

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**



LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN LÝ NHÂN
(1975 - 2000)

Lý Nhân - 2005

ĐC. 215
L 302 S

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN LÝ NHÂN
(1975 - 2000)

THƯ VIỆN
TỈNH HÀ NAM

ĐC : 370

Lý Nhân - 2005

LỜI NÓI ĐẦU

Lý Nhân là một huyện đồng chiêm trũng của tỉnh Hà Nam, trải qua ngàn năm lịch sử, nhân dân Lý Nhân cần cù trong lao động, thông minh, dũng cảm trong chiến đấu, năng động, sáng tạo trong xây dựng và bảo vệ quê hương, đã viết nên những trang sử hào hùng. Những trang sử vàng ấy càng đậm nét và rực rỡ hơn từ khi có sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện (tháng 9-1930).

Để ghi lại những trang sử hào hùng đó, nhằm động viên, giáo dục các thế hệ sau phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng của cha anh, kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu không mệt mỏi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo mục tiêu dân giàu, huyện mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; Đại hội Đảng bộ huyện Lý Nhân lần thứ XX đã quyết nghị lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu, sưu tầm, tập hợp tư liệu và biên soạn Lịch sử Đảng bộ huyện.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XX, XXI đã lãnh đạo, chỉ đạo

tiến hành nghiên cứu và biên soạn tập 2 cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Lý Nhân (1954 – 1975), chỉnh lý, bổ sung tư liệu, biên soạn và tái bản cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Lý Nhân tập 1 (1930 – 1954). Sau khi hoàn thành cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện tập 2, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XXII, tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành biên soạn cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Lý Nhân tập 3 (1975 – 2000) để thiết thực chào mừng 60 năm Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2-9 và 60 năm Lý Nhân giành chính quyền, chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, đặc biệt là Đại hội Đảng bộ huyện Lý Nhân lần thứ XXIII.

Được sự giúp đỡ của Viện Lịch sử Đảng – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã thành lập Ban sưu tầm và biên soạn, tổ chức nghiên cứu, biên soạn cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Lý Nhân tập 3 (1975 – 2000). Đến nay cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Lý Nhân tập 3 đã được biên soạn hoàn chỉnh, được Tỉnh uỷ Hà Nam thẩm định nội dung và cho phép xuất bản.

Ban Thường vụ Huyện uỷ Lý Nhân trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ có hiệu quả của Viện Lịch sử Đảng – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh,

Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo các ban, ngành chuyên môn của huyện từ khoá XIV đến khoá XXII đã tạo điều kiện cho cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Lý Nhân tập 3 (1975 – 2000) sớm được ra mắt bạn đọc, phục vụ kịp thời cho Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII (nhiệm kỳ 2005 – 2010).

Do năng lực, trình độ có hạn, thời gian nghiên cứu, biên soạn chưa nhiều, chắc chắn cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Lý Nhân tập 3 (1975 – 2000) không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, Ban Thường vụ Huyện uỷ Lý Nhân rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc trong và ngoài huyện để nâng cao chất lượng cuốn sách cho lần tái bản sau.

Xin trân trọng cảm ơn!

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY KHOÁ XXII

CHƯƠNG VI

ĐẢNG BỘ LÝ NHÂN LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1985)

Mùa Xuân năm 1975, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của nhân dân ta. Cách mạng Việt Nam chuyển sang một thời kỳ mới: Thời kỳ độc lập, thống nhất, cả nước cùng tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược trên, phải khẩn trương tiến hành công tác tổ chức, xây dựng, kiện toàn bộ máy Nhà nước, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Ngày 24-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa VI đã diễn ra trên cả nước. Nhân dân ta bầu ra Quốc hội đầu tiên - cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam thống nhất. Quốc hội đưa ra nhiều quyết định quan trọng, đổi Quốc hiệu thành nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là những

sự kiện có ý nghĩa chính trị trọng đại, đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam trên bước đường xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

Tháng 12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng được triệu tập. Đại hội đề cập đến những vấn đề mang tính chiến lược, quyết định đường lối phát triển của đất nước trong thời kỳ mới. Đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ chiến lược trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời thông qua kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm (1976 - 1980).

Nhìn trên tổng thể, tình hình đất nước sau ngày “non sông thu về một mối” có những thuận lợi cơ bản. Đó là không khí phấn khởi, quần chúng nhân dân tràn ngập niềm vui, tinh thần cách mạng dâng cao trở thành nguồn động lực to lớn trong thời kỳ tập trung lực lượng tái thiết đất nước. Song phía trước là cả chặng đường đi lên với những khó khăn, thách thức lớn. Hậu quả chiến tranh nặng nề, thiên tai, thời tiết diễn biến phức tạp, gây khó khăn lớn cho sản xuất và đời sống. Cùng với những khó khăn chồng chất do thiên tai và các thế lực thù địch gây ra, là những biến cố bất ngờ, đất nước ta lại một lần nữa phải hao người, tốn của vì chiến tranh, đó là hai cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc.

Chiến tranh càng làm tăng thêm gánh nặng khó khăn của đất nước nói chung, của Lý Nhân nói riêng.

Trong bối cảnh ấy, nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ và nhân dân trong huyện là phải khẩn trương khôi phục hậu quả chiến tranh, nhanh chóng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời phải hoàn thành nghĩa vụ quốc phòng, huy động nhân tài, vật lực tham gia bảo vệ biên giới, lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc. Nhiệm vụ nặng nề, đòi hỏi nỗ lực và quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân trong huyện phải ra sức phấn đấu vượt qua những trở ngại và thách thức đang đặt ra.

I. ĐẢNG BỘ LÝ NHÂN LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ THAM GIA BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1980).

Nhằm quán triệt sâu sắc tình hình và nhiệm vụ mới, đồng thời triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh, Đảng bộ huyện Lý Nhân tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XIV.

Đại hội đại biểu lần thứ XIV Đảng bộ huyện Lý Nhân diễn ra từ ngày 19 đến ngày 22-5-1975. Tham dự Đại hội có 189 đại biểu chính thức. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 27 đồng chí (trong đó có 25 uỷ viên chính thức, 2 uỷ viên dự khuyết), đồng chí Hoàng Kim Nhì được bầu lại làm Bí thư Huyện ủy.

Ngoài nội dung kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII, Đại hội đã căn cứ tình hình thực tiễn đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho 2 năm 1975 - 1976, trong đó tập trung: “*Khai thác khả năng và điều kiện thuận lợi, quyết tâm đẩy mạnh xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng nhanh sản lượng nông sản hàng hóa*”⁽¹⁾. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, Đại hội chỉ rõ phương châm phát triển toàn diện, chú trọng thâm canh, chuyên canh, tăng vụ, mở rộng diện tích, đặc biệt là sản xuất vụ đông, phải có cách nhìn mới về vụ đông, coi như “cái nút” để phát triển nông nghiệp. Về chỉ tiêu, Đại hội đề ra mức phấn đấu 5,8 tấn thóc; 2,5 con lợn; 1,5 lao động/ha gieo trồng.

Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội, Huyện ủy cụ thể hóa bằng các nghị quyết chuyên đề về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1975 - 1976, với nội dung chủ yếu: Đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh chính trị, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị điều kiện để hoàn thành kế hoạch 5 năm 1976 - 1980.

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lý Nhân lần thứ XIV. Tài liệu đánh máy, lưu VPHU Lý Nhân, tr.9.

Đại hội lần thứ XV Đảng bộ huyện được tiến hành từ ngày 29-10 đến ngày 01-11-1977. Tham dự Đại hội có 194 đại biểu chính thức, 12 đại biểu dự khuyết. Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân Lý Nhân ra sức hành động cách mạng, tạo sự chuyển biến toàn diện lập công dâng Đảng. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 21 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Hoàng Kim Nhì được bầu lại làm Bí thư Huyện ủy.

Để tạo ra bước chuyển biến căn bản trong sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ huyện các khóa (từ khóa XIV đến khóa XVI), đã lãnh đạo các cấp ủy Đảng vận động nhân dân tham gia làm thủy lợi kết hợp với phát triển giao thông nông thôn. Trong các năm 1975 - 1976, đã thực hiện được khối lượng lớn về đào đắp, xây đúc, thi công các công trình thủy lợi trọng điểm, góp phần hoàn thành đợt 2 của chiến dịch làm thủy nông đảm bảo tưới nước cho 6.590 ha lúa; lấy nước phù sa cải tạo đồng ruộng, tạo điều kiện đưa hơn 70% diện tích vào gieo cấy các giống lúa mới; mở rộng diện tích cày bừa bằng máy từ 30,7% diện tích năm 1976, tăng lên 37,8% diện tích vào năm 1979. Các cơ sở xử lý và bảo quản giống cây trồng, trạm thú y, trại giống lợn, trạm máy kéo của huyện đã phát huy tác dụng trong sản xuất⁽²⁾.

(2) Các số liệu dẫn theo: Báo cáo tình hình và nhiệm vụ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lý Nhân lần thứ XV (10-1977). Tài liệu đánh máy, lưu VPHU Lý Nhân, tr.2-22.

Cùng với việc chỉ đạo tập trung đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, phát triển kinh tế nông nghiệp, Huyện ủy chủ trương đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp trong huyện. Đối với đội ngũ cán bộ kỹ thuật nông nghiệp, huyện liên tục mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng được 597 cán bộ chuyên môn cho các hợp tác xã. Đây là lực lượng nòng cốt trong việc vận động và hướng dẫn nhân dân áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, thâm canh, tăng năng suất lúa, hoa màu, vật nuôi. Đến năm 1979, có thêm nhiều cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ từ trung cấp đến đại học.

Quan hệ sản xuất tiếp tục được củng cố và hoàn thiện, huyện đã từng bước thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý theo tinh thần Chỉ thị số 208-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) và Nghị quyết số 61/NQ-CP của Hội đồng Chính phủ. Cuộc vận động nhằm khắc phục tình trạng phân tán, mất cân đối, không đồng bộ, đưa sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh, củng cố, hoàn thiện thêm một bước quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp. Khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng về đất đai, lao động và các tư liệu sản xuất. Cải tiến quản lý phải gắn liền tổ chức lại sản xuất, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, đi liền với hạch toán kinh doanh.

Xác định rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc vận động, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy

xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp đi lên. Do đó, đã xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện thắng lợi cuộc vận động. Toàn huyện đã tiến hành hợp nhất các hợp tác xã nông nghiệp với tinh thần tích cực, vững chắc.

Năm 1976, thực hiện Chỉ thị 208 của Ban Bí thư Trung ương về tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý điều hành của hệ thống hợp tác xã, Huyện ủy đã chỉ đạo tiến hành hợp nhất 52 hợp tác xã bậc thấp thành 30 hợp tác xã bậc cao, đến năm 1979 còn 25 hợp tác xã. Trên cơ sở hợp nhất, lực lượng sản xuất được tập trung, bình quân mỗi hợp tác xã có 436 ha đất canh tác, thu hút 98,5% nông dân vào làm ăn tập thể. Các yếu tố sản xuất như lao động, đất đai từng bước được quy hoạch. Các hợp tác xã đã xác định được phương hướng sản xuất, bố trí hợp lý trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề, khắc phục một bước tình trạng manh mún, phân tán trước đây, chuyển dần theo hướng “cùng giống, liền vùng, cùng trà, khác đội”. Do đó, đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh cây lúa, cây công nghiệp. Việc tổ chức, phân công lại lao động theo hướng chuyên môn hoá được thực hiện rộng khắp trong toàn huyện đã đem kết quả tích cực. Các hợp tác xã đã kiện toàn các đội sản xuất cơ bản, củng cố các đội chuyên như 202 (quản lý thủy lợi, thủy nông), đội chế biến phân bón, chăn nuôi, xử lý giống, ươm,

trồng cây. Việc tổ chức lại sản xuất trong các hợp tác xã đã tạo điều kiện bố trí lại lao động giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa lao động sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, cung cấp lao động theo các yêu cầu của tỉnh và các ngành. Đến năm 1979 đã điều động 9.789 lao động theo các yêu cầu của quốc phòng, kinh tế mới và các công, nông trường, xí nghiệp. Những tiến bộ về phân công lại lao động cùng với các biện pháp quản lý đã sử dụng hợp lý sức lao động, ý thức làm chủ của xã viên tăng lên, bước đầu có tác dụng nâng cao năng suất lao động. Một số hợp tác xã sau khi hợp nhất đã phát huy được thế mạnh của mình, bước đầu phân vùng sản xuất, điều chỉnh lại ruộng đất, lao động, nâng cao trình độ canh tác và trình độ quản lý, điều hành của hợp tác xã. Trên cơ sở rà soát lại một bước về tổ chức, quản lý hợp tác xã, huyện điều động số lao động dôi dư vào các ngành sản xuất mới, hoặc đưa đi xây dựng vùng kinh tế mới phía Nam.

Bộ máy quản lý được kiện toàn gọn nhẹ, có hiệu lực hơn, việc điều hành theo kế hoạch được triển khai ở nhiều hợp tác xã. Phương thức quản lý đã dần đi vào hạch toán kinh tế, giá trị ngày công, định mức thưởng phạt rõ ràng, đã có tác dụng khuyến khích xã viên hăng say lao động.

Trên cơ sở nhận thức được nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm của giai đoạn cách

mạng mới, thấy được vai trò của nông nghiệp là thế mạnh của huyện, Huyện ủy chỉ đạo phấn đấu thực hiện thắng lợi 3 mục tiêu trong nông nghiệp: diện tích, năng suất, sản lượng. Ngay trong vụ mùa năm 1975, diện tích lúa vượt 8,5% kế hoạch, chủ yếu là giống đạt năng suất cao như (Nông nghiệp 22, Nông nghiệp 5, Nông nghiệp 8). Ngành thủy nông chủ động tưới, tiêu nước, đảm bảo phục vụ yêu cầu sản xuất.

Tuy nhiên, nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp trong những năm này diễn ra không mấy thuận lợi. Vụ chiêm xuân năm 1975, khi lúa đang làm đòng đã gặp mưa lớn trên 500 mm, kéo dài 7 ngày đêm, gây úng nặng trên 5.000 ha lúa và hoa màu. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã động viên nhân dân nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, đoàn kết, tương trợ, tập trung dồn sức chống úng.

Ngày 03-9-1975, Huyện ủy triệu tập Hội nghị mở rộng thảo luận và ra Nghị quyết số 03-NQ/HU: Phát động toàn Đảng, toàn dân trong huyện khẩn trương tập trung mọi lực lượng, huy động mọi phương tiện, quyết tâm đấu thủy chống úng giành vụ mùa thắng lợi. Hướng chung để đấu thủy là đấu sớm, đấu tập trung, đấu vững chắc, đấu liên tục, coi bờ để đấu, vừa đấu vừa coi bờ, kiên quyết khai thông dòng chảy không để cản trở việc tiêu nước. Trong nhiều ngày liền, cán bộ, đảng viên phát huy tinh thần trách nhiệm, không quản mưa gió,

tích cực kiểm tra đồng ruộng, cùng với nhân dân khoanh vùng đắp bờ, hoành triệt cống, chống nước ngoài lai. Tiêu biểu là các hợp tác xã Mỹ Đà (Nhân Mỹ), Vạn Thọ (Nhân Bình) đã sớm phát động quần chúng đấu thủy, chống úng đạt kết quả cao, do vậy đã hạn chế được thiệt hại. Sau úng, các hợp tác xã đã kịp thời chỉ đạo chăm sóc lúa, hoa màu, chủ động chuẩn bị nhân giống khoai lang và một số cây trồng cho sản xuất vụ đông. Đẩy mạnh trồng rau màu ngăn ngừa để phòng thiếu lương thực trong thời gian giáp hạt, ươm bèo dậu cho vụ chiêm xuân, chú trọng phòng dịch cho đàn gia súc, gia cầm. Với sự nỗ lực, quyết tâm của toàn Đảng bộ, mặc dù thiên tai nghiêm trọng, vụ mùa đầu tiên sau ngày đất nước thống nhất, năng suất lúa của huyện đã vượt 7,8% kế hoạch, có 10 hợp tác xã đạt 10 tấn/ha/năm. Tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 32.304 tấn, vượt 3.230 kg so với kế hoạch.

Bước vào sản xuất vụ đông và vụ chiêm xuân năm 1976, thời tiết vẫn không thuận lợi, rét đậm kéo dài, gây khó khăn cho mùa vụ và quá trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi. Toàn huyện có 40% diện tích mạ đã gieo bị chết, hàng nghìn gia súc, gia cầm bị rét đã sinh bệnh, đặc biệt là số trâu, bò - nguồn sức kéo chính cho sản xuất nông nghiệp bị hao hụt nghiêm trọng.

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 19-01-1976 của Tỉnh uỷ về phương hướng, nhiệm vụ phát

triển kinh tế - văn hoá năm 1976 và phát động chiến dịch Hà Nam Ninh với 6 mũi tiến công⁽³⁾. Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TU, ngày 12-02-1976 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh sản xuất, giải quyết tốt vấn đề lương thực, đồng thời thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn về nhiệm vụ phát triển nông nghiệp của Hà Nam Ninh trong giai đoạn mới, ngày 08-3-1976 Huyện uỷ ra Nghị quyết số 05-NQ/HU, phát động phong trào thi đua trong toàn huyện. Các hợp tác xã ký kết thi đua với hợp tác xã Hải Quang (Hải Hậu) - một điển hình sản xuất tiên tiến của tỉnh. Trong đợt thi đua này, hợp tác xã Hoà Lý (Nguyên Lý) và hợp tác xã Đạo Lý (Đạo Lý) của huyện Lý Nhân đã đạt được kết quả tốt, nhất là kinh nghiệm về mở rộng diện tích sản xuất vụ đông trên chạ **TRƯỜNG TIỀN** (trên 500 ha). Tuy

TỈNH HÀ NAM *ĐC : 870*

(3) Đó là: - Tập trung đẩy mạnh sản xuất lúa, màu, rau để có nhiều lương thực bảo đảm yêu cầu cải thiện đời sống nhân dân và đóng góp với Nhà nước;

- Ra sức phát triển mạnh chăn nuôi lợn, cá, vịt, trâu, bò nhằm đưa chăn nuôi lên ngành sản xuất chính và phát triển toàn diện;

- Tích cực sản xuất nhiều hàng tiêu dùng và xuất khẩu;

- Quyết tâm đẩy mạnh hoàn chỉnh hoá thủy nông tạo điều kiện để cơ giới hoá nông nghiệp và xây dựng cơ bản, phục vụ kịp thời cho sản xuất và đời sống;

- Thực hiện tốt Tết trồng cây nhớ ơn Bác Hồ, mừng đất nước thống nhất, mừng tỉnh mới Hà Nam Ninh;

- Tăng cường công tác quốc phòng và trật tự trị an gắn liền với cải thiện đời sống, xây dựng nếp sống văn minh, rèn luyện con người mới xã hội chủ nghĩa.

hiệu quả kinh tế bước đầu chưa cao, nhưng phần nào tháo gỡ khó khăn về lương thực khi giáp hạt, góp phần đưa tổng sản lượng lương thực quy thóc của huyện năm 1976 đạt 43.976 tấn, tăng 16,4% so với năm trước.

Với chủ trương tận dụng tài nguyên đất đai, tăng diện tích gieo trồng, từ năm 1976 đến năm 1978, huyện đã động viên nhân dân khai hoang, cải tạo và mở rộng diện tích gieo cấy, tăng diện tích trồng trọt từ 19.274 ha lên 20.827 ha, đồng thời đưa hệ số sử dụng đất lên 2 lần bằng cách mở rộng diện tích cây vụ đông trên đất 2 vụ lúa. Phát huy lợi thế kỹ thuật trồng cây khoai tây trên nền đất ướt cùng nhiều loại cây khác, bắt đầu từ năm 1976 huyện đã tăng diện tích cây vụ đông từ 500 ha lên 2.873 ha (năm 1977) và 4.600 ha (năm 1978). Các hợp tác xã Đạo Lý, Nguyên Lý là những đơn vị đi đầu trong việc đưa cây vụ đông vào trồng trên chân ruộng 2 vụ lúa. Cây vụ đông phát triển đã mở ra hướng đi mới cho sản xuất nông nghiệp tại địa phương. Nó có ý nghĩa trên nhiều mặt, giải quyết cả vấn đề tư tưởng, công tác quản lý, kỹ thuật, góp phần giải quyết khó khăn về lương thực cho nhân dân và phục vụ chăn nuôi. Đồng thời cũng mở ra triển vọng thực tế, đưa sản xuất vụ đông thành vụ sản xuất chính.

Đến năm 1979, từ kinh nghiệm trồng cây khoai tây, khoai lang, ngô vụ đông trên nền đất ướt của hợp tác xã Đạo Lý được Huyện ủy chỉ đạo nhân rộng, đã có tác dụng rất lớn trong toàn huyện. Cùng với hợp tác xã Đạo

Lý, các điển hình về sản xuất vụ đông xuất hiện ngày càng nhiều như ở Nhân Khang, Chân Lý, Tân Lý, Hợp Lý, Nhân Nghĩa... Không chỉ phát triển mạnh cây vụ đông mà các hợp tác xã trên còn là những đơn vị thâm canh lúa giỏi đạt gần 6 tấn/ha/năm. Xã Phú Phúc thời gian này vừa chú trọng phát triển cây lương thực vừa đảm bảo phát triển thâm canh cây công nghiệp như trồng đay năm 1978 đạt 21,9 tạ/ha. Các xã Nhân Nghĩa, Nhân Bình, Nhân Khang đẩy mạnh thâm canh cây mía trồng trên đất bãi, nên năng suất bình quân đạt 55 tạ/ha.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng được chú trọng phát triển trên quy mô tập thể và gia đình. Tính đến ngày 01-10-1976, tổng đàn lợn của huyện có 38.384 con, bình quân trọng lượng xuất chuồng từ 45 - 48 kg/con. Qua các năm, số đàn gia súc, gia cầm ngày càng tăng. Năm 1977, đàn lợn đã tăng lên đạt con số 45.000 con, đàn vịt có 158.000 con, ngỗng xuất khẩu 5.000 con, thu hoạch cá đạt trên 500 tấn. So với năm 1976, đàn lợn tăng 111%, đàn bò tăng 150%, đàn trâu tăng 105%.

Các loại cây công nghiệp tăng nhanh về diện tích từ 1.708 ha (năm 1976), tăng lên 2.458 ha (năm 1978), riêng cây đay tăng 2 lần so với năm 1976. Do vậy sản lượng đay đã đạt 1.726 tấn (năm 1978), chính nhờ có nguồn nguyên liệu tại chỗ đã tạo điều kiện phát triển ngành nghề thủ công, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, thu ngoại tệ.

Trên cơ sở cung ứng dồi dào của nguồn nguyên liệu tại chỗ, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, sản xuất và chế biến nông sản có nhiều chuyển biến. Lao động phân bổ cho ngành nghề chiếm 30%, thu hút trên 18.000 lao động, chủ yếu cho các ngành sản xuất gạch, ngói ngoài bãi sông Hồng. Ngoài ra, các ngành chế biến tinh dầu, dẹt thảm đay, thảm bẹ ngô, thêu ren, khuy trai, cơ khí, rèn, mộc, nề, chế biến thực phẩm, bánh đa nem, mây tre đan cũng phát triển mạnh trên phạm vi toàn huyện. Số liệu năm 1977 - là năm có mức sản xuất trung bình, Xí nghiệp gạch ngói sản xuất được từ 2,5 - 3 triệu viên gạch, 3 - 3,5 triệu viên ngói. Các ngành nghề thủ công sản xuất đạt 21.000 m² thảm đay, 40.000 m² thảm bẹ ngô, sản phẩm mây tre đan đạt 800.000 đồng, hàng thêu ren đạt 400.000 đồng, chế biến bánh đa nem đạt 150.000 đồng. Đây là một nguồn thu chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng thu nhập quốc dân của huyện.

Tuy có sự phát triển về nhiều mặt, nhưng trong thời gian này, huyện Lý Nhân còn bộc lộ một số điểm tồn tại, yếu kém.

Nhìn chung về quan hệ sản xuất, Lý Nhân cũng như cả nước vẫn thực thi mô hình “sản xuất lớn”, “tập trung”, mang tính hình thức, kém hiệu quả. Về phát triển kinh tế: Hướng mở rộng sản xuất của huyện trong thời gian này chưa đồng đều, thiếu vững chắc, diện tích canh tác tuy từng bước được mở rộng như tận dụng

được mạ, thùng đào, thùng dậu, nhưng chưa nhiều, thâm canh chưa mạnh, chưa toàn diện. Số hợp tác xã đạt 5 tấn thóc/ha còn ít, sản xuất lương thực chưa thực sự vững chắc. Tổng sản lượng lương thực từ 32.304 tấn năm 1975 tăng lên 43.976 tấn năm 1976, nhưng lại tụt xuống chỉ còn 31.144 tấn năm 1979. Diện tích cây khoai lang vụ chiêm giảm, xen canh, tăng vụ yếu, chưa đưa mạnh cây vụ đông vào chân ruộng 2 vụ lúa. Hệ thống thủy lợi chưa đồng bộ, tưới, tiêu còn hạn chế, khâu cải tạo đất còn yếu, lượng phân bón giảm, bộ giống chưa chuẩn. Các loại cây công nghiệp, cây cho tinh dầu không đạt cả về diện tích, năng suất. Năm 1978, diện tích mía chỉ đạt 99% kế hoạch, năng suất chỉ đạt 83% so với năm 1976.

Trồng trọt và chăn nuôi chưa cân đối, thiếu gắn bó chặt chẽ, chăn nuôi phát triển chậm. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi chưa được giải quyết vững chắc. Ngành nghề trong nhân dân và trong các hợp tác xã phát triển chưa mạnh, hiệu quả kinh tế thấp. Việc vận động nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới chững lại, bình quân vẫn còn tới 2,3 lao động/ha. Cả 3 mục tiêu mà Đại hội XV của Đảng bộ huyện đề ra đều không đạt, trong khi chi phí sản xuất và đầu tư của Nhà nước không ngừng tăng.

Về mặt tổ chức quản lý: Do quen cung cách làm ăn tập trung quan liêu, bao cấp, nên tình trạng cơ sở vật chất - kỹ thuật không được quản lý chặt chẽ, ý thức bảo

vệ yếu, nhất là tài sản của hợp tác xã nông nghiệp còn bị hư hỏng, thất thoát, tư tưởng “cha chung không ai khóc” vẫn còn tồn tại. Việc khai thác, sử dụng các tư liệu sản xuất chưa cao. Hệ thống thuỷ lợi chưa hoàn chỉnh, đồng bộ giữa đào đắp, xây đúc, giữa hệ thống cấp 1 - cấp 2, chưa đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu theo khoa học. Việc thâm canh, cải tạo đất, tăng vụ và cơ giới hoá còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật chưa đủ kinh nghiệm thực tiễn, chưa được quản lý, bồi dưỡng, sử dụng tốt. Quy hoạch, đào tạo cán bộ thiếu đồng bộ. Việc tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý từ cơ sở chưa làm được nhiều, hiệu quả đem lại chưa cao, việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ thiếu cụ thể. Huyện chưa tích cực chỉ đạo việc rà soát, nắm chắc kế hoạch sử dụng đất đai, bố trí lại đồng ruộng cho phù hợp với việc chuyển đổi cây trồng.

Về nguồn lao động: Quỹ thời gian chưa được sử dụng hết cả về số lượng, chất lượng, năng suất lao động thấp, ngày công, giờ công không đảm bảo, hiện tượng đong công, phóng điểm xuất hiện ở nhiều nơi. Vai trò làm chủ của xã viên không được phát huy, một số xã viên chưa thật gắn bó với hợp tác xã, đồng ruộng ở một số nơi chưa được khai thác tốt. Việc quản lý tư liệu sản xuất chưa chặt chẽ, đặc biệt là quản lý ruộng đất, dẫn đến đây đó có tình trạng lấn chiếm, sử dụng đất không đúng mục đích, sai chính sách. Quản lý tài chính còn nhiều sơ hở, lãng phí, tạo điều kiện cho tiêu cực phát

triển. Phân phối lưu thông chưa thật sự công bằng, hợp lý, chưa thực hiện phân phối theo lao động để khuyến khích tăng năng suất lao động trong xã viên. Phong trào “Ba ngọn cờ hồng” ở nông thôn chưa phát huy tác dụng tốt.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa đóng vai trò, tác dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp, xuất khẩu, chất lượng sản phẩm kém, mẫu mã đơn điệu, sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, chưa phải là sản xuất hàng hóa. Lưu thông phân phối khó khăn, hàng hoá khan hiếm, chủ yếu do Nhà nước hỗ trợ nhưng quản lý, phân phối chưa tốt.

Tình hình trên làm cho đời sống nhân dân trong huyện gặp nhiều khó khăn. Năm 1976 là năm có tổng sản lượng lương thực cao nhất so với 3 năm từ 1977 - 1979, nhưng bình quân lương thực chỉ đạt 16 kg/người/tháng, việc bán bù lương thực cho vùng sản xuất cây công nghiệp chưa được kịp thời, gây tư tưởng chán nản, nhiều người tự ý bỏ sản xuất đi “chạy chợ”. Là địa phương sản xuất lương thực, nhưng không đáp ứng đủ cho tiêu dùng, hàng năm Nhà nước vẫn phải hỗ trợ lương thực. Nhìn chung, tình hình kinh tế của huyện phát triển chậm.

Những khó khăn trên của Lý Nhân trong thời gian này cũng là những khó khăn chung của đất nước. Do duy trì, áp dụng quá lâu mô hình kinh tế tập trung

quan liêu, bao cấp, dẫn đến sự trì trệ trong lãnh đạo, quản lý sản xuất. Quan hệ sản xuất chưa phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đó là nguyên nhân chủ yếu làm cho sản xuất chậm phát triển. Mặt khác, có nguyên nhân chủ quan là do một số cấp uỷ, chính quyền bị động, lúng túng trong quản lý, không đi sâu, đi sát thực tiễn, máy móc, duy trì quy mô hợp tác xã quá lớn trên phạm vi toàn xã, trong khi đã có nhiều vấn đề bất cập về cơ sở vật chất và trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ.

Trong khi cả nước nói chung và Lý Nhân nói riêng đang gặp vô vàn khó khăn, thì biên giới Tổ quốc lại bị quân thù xâm phạm. Nghe theo tiếng gọi của Đảng, tất cả các tầng lớp nhân dân trong huyện sục sôi khí thế tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, kiên quyết bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ ở biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc.

Thực hiện Chỉ thị số 67-CT/TW, ngày 01-3-1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc phát động toàn dân chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng chiến đấu; Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước ngày 05/3/1979, Nghị quyết số 20, 21 của Tỉnh uỷ về công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và động viên cán bộ, đảng viên nhân dân trong tỉnh sẵn sàng lên đường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; Huyện uỷ đã ra Nghị quyết

triển khai nhiệm vụ 2 năm 1979 - 1980, với trọng tâm: Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đảm bảo đời sống cho nhân dân, ra sức tăng cường quốc phòng, bảo vệ an ninh, trước mắt xây dựng lực lượng quốc phòng vững chắc, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng. Xây dựng ở mỗi xã 1 trung đội dân quân, 32 phân đội dân quân, du kích trong các đội sản xuất, đội chuyên của hợp tác xã, 19 phân đội tự vệ trong cơ quan, xí nghiệp. Năm 1978, toàn huyện có 7.972 dân quân, 439 tự vệ, đưa tỷ lệ từ 12,3% năm 1977 lên 13,9% năm 1978 so với dân số trong huyện. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân, tự vệ chiếm 20,2%. Huyện đội đã chỉ đạo các đơn vị dân quân, tự vệ luyện tập quân sự và diễn tập theo phương án phòng thủ tác chiến. Nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu được đặt lên hàng đầu, huy động 7.355 ngày công, đào đắp 3.200 m³ đất, vận chuyển 850 cây tre, 40 cây gỗ các loại, xây dựng 6 trận địa phòng không ở các khu vực trọng điểm. Trên địa bàn huyện, nhân dân đã tham gia đào đắp 5.600 m giao thông hào, trên 1.000 hố cá nhân, huy động 520 tấn gạo và phương tiện phục vụ chiến đấu. Tự tạo 550 bàn chông, thu gom 3.000 kg sắt, gang nộp cho công binh của tỉnh.

Xác định rõ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ thiêng liêng của mọi công dân, Huyện ủy chỉ đạo tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền trong nhân dân, nhằm nâng cao ý thức

giác ngộ cách mạng, hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Trong năm 1979, tại hội nghị quán triệt Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, huyện đã mời các đồng chí Vũ Thị Chiên (xã Đạo Lý), Trần Đức Thành (xã Nhân Khang)... là con em quê hương đang làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế, trực tiếp tham gia chiến đấu ở biên giới về nói chuyện với cán bộ, nhân dân trong huyện. Tổ chức lễ ra mắt các lực lượng vũ trang địa phương để biểu dương lực lượng. Tổ chức hội nghị đoàn kết quân dân giữa xã, huyện, các ngành với 2 đơn vị: Đoàn an dưỡng thương binh 581 và Đoàn an dưỡng Phòng không - Không quân đang đóng trên địa bàn huyện, nhằm phát huy bản chất truyền thống của bộ đội Cụ Hồ, nâng cao sức mạnh và quyết tâm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Thời gian này đã có hàng nghìn lá đơn tình nguyện lên đường nhập ngũ, trong đó có nhiều thanh niên, học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường và bộ đội phục viên, xuất ngũ xin được nhập, tái ngũ. Hai năm 1978 - 1979, Lý Nhân đã động viên 4.099 đồng chí tham gia quân đội bằng 1/6 tổng số quân nhân phục viên của huyện.

Đứng trước khó khăn, thử thách, Đảng bộ Lý Nhân đã có nhiều cố gắng tìm tòi con đường đi lên, đáp ứng yêu cầu bức xúc đặt ra trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Từ ngày 31-5 đến

ngày 04-6-1979, Đảng bộ huyện đã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XVI. Tham dự Đại hội có 199 đại biểu chính thức.

Đại hội đã nghiêm khắc đánh giá, kiểm điểm 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ huyện, chỉ rõ những thành tựu đạt được và những tồn tại cần sớm được khắc phục, phân tích nguyên nhân của sự trì trệ về kinh tế - xã hội. Từ đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp đối với sản xuất nông nghiệp nhằm xây dựng huyện thành pháo đài vững mạnh toàn diện. Đẩy mạnh cuộc vận động tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý từ cơ sở, khai thác tốt tiềm lực của địa phương, tích cực xây dựng phát triển kinh tế - xã hội. Phải tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, thực hiện tốt đường lối thâm canh, từng bước tập trung chuyên canh, tích cực tăng vụ, mở rộng diện tích, bảo đảm phát triển toàn diện, vững chắc nhằm giải quyết bằng được vấn đề lương thực, thực phẩm.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 23 uỷ viên chính thức, 2 uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Hoàng Kim Nhì được bầu lại làm Bí thư Huyện uỷ.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVI của Đảng bộ huyện trong bối cảnh đất nước đứng trước những khó khăn và thử thách rất lớn, sản xuất trì trệ, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế giảm sút, nhiều mặt bị mất cân đối, Nhà nước phải nhập khẩu lương thực với khối lượng lớn, hàng hoá khan

hiếm. Trong khi đó, đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch câu kết với nhau bao vây, cô lập, cấm vận và lôi kéo các nước cắt viện trợ đối với nước ta, kích động đồng bào di tản bất hợp pháp ra nước ngoài, vu cáo Việt Nam về vấn đề “thuyền nhân”⁽⁴⁾, “nhân quyền” ở một số hội nghị quốc tế. Từ cuối những năm 70, các nước xã hội chủ nghĩa có những biểu hiện trì trệ, khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, với ý chí và tinh thần quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, các tầng lớp nhân dân trong huyện, vẫn vững lòng tin vào con đường và mục tiêu mà Đảng ta đã lựa chọn: Tiếp tục tiến lên chủ nghĩa xã hội. Vấn đề là đã đến lúc phải thay đổi tư duy, nếp nghĩ, cách nhìn, phương pháp thực hiện sao cho phù hợp và có hiệu quả. Câu hỏi đặt ra cho tất cả các cấp lãnh đạo của Đảng, nhất là ở cấp vĩ mô, khẩn trương tìm ra hướng đi để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, đó vừa là yêu cầu mang tính cấp bách của nhân dân đối với Đảng, vừa là trách nhiệm cao cả của Đảng đối với vận mệnh của dân tộc.

Đứng trước yêu cầu nóng bỏng của đất nước là làm sao thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Tháng 8-1979, Ban Chấp

(4) Chỉ những người vượt biên trái phép bằng đường biển ra nước ngoài.

hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 6, ra Nghị quyết số 20-NQ/TW về tình hình và nhiệm vụ cấp bách; Nghị quyết số 21-NQ/TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển hàng tiêu dùng và hàng công nghiệp địa phương, nhằm khắc phục một bước những hạn chế của cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp, kết hợp kế hoạch hoá với quan hệ thị trường, kết hợp 3 lợi ích: tập thể, cá nhân và xã hội.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khoá IV), tháng 9-1979, Hội đồng Chính phủ có quyết định cho phép tận dụng đất đai nông nghiệp để khai hoang, phục hoá, được trả thù lao thích đáng và được sử dụng toàn bộ sản phẩm miễn thuế. Tháng 10-1979, Hội đồng Chính phủ công bố quyết định xoá bỏ các trạm kiểm soát kiểu “ngăn sông, cấm chợ”, người sản xuất được tự do lưu thông hàng hoá ngoài thị trường, không phải nộp thuế sau khi đã làm nghĩa vụ đầy đủ với Nhà nước. Ổn định mức bán nghĩa vụ lương thực trong 5 năm, khuyến khích tập thể và gia đình xã viên khai hoang phục hoá để sản xuất. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 và quyết định của Chính phủ đã mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV), ngay trong tháng 9-1979, Huyện uỷ ra Nghị quyết số 27-NQ/HU về đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, tận dụng diện

tích để sản xuất. Nghị quyết yêu cầu: Tập trung cao độ sự lãnh đạo của các cấp, các ngành, tập trung lao động, vật tư vào thâm canh tăng năng suất lúa, màu, cây công nghiệp, tận dụng mọi khả năng đất đai đưa vào sản xuất.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, nhân dân trong huyện đã tích cực khai hoang phục hóa, tận dụng hàng chục ha đất hoang hoá, san gò, lấp trũng (ao, hồ, đầm, đước mạ...) đưa vào sản xuất. Được Nhà nước tăng mức đầu tư cho nông nghiệp về giống, phân bón, cơ khí, các yếu tố thời vụ, mật độ, kỹ thuật thâm canh, chăm sóc được chú trọng. Nhờ vậy từ vụ mùa năm 1979 đến vụ chiêm năm 1980, nền kinh tế của huyện đã có chuyển biến rõ rệt. Mặc dù vẫn còn rất nhiều khó khăn, thử thách, thiên tai liên tiếp xảy ra cả 3 vụ trong 2 năm, nhưng nhờ có sự nỗ lực, đoàn kết thống nhất, quyết tâm cao độ của tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ, đã lãnh đạo nhân dân trong huyện phát huy tinh thần làm chủ tập thể, tự lực tự cường, khắc phục một bước tình trạng trì trệ trong sản xuất, giành được thắng lợi bước đầu nhưng hết sức quan trọng. Sản xuất nông nghiệp: Chú trọng mở rộng diện tích cây rau màu, lương thực, tăng sản lượng, chất lượng. Tăng cường vận động nhân dân trồng cây công nghiệp: Diện tích mía, đay tăng từ 1.708 ha (năm 1976) lên 2.100 ha (năm 1981), duy trì trên 2.000 tấn mía cây vào nhà máy và hơn 1.000 tấn đay quy bẹ.

Cùng với việc tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, khôi phục kinh tế, Huyện ủy rất quan tâm đến việc động viên nhân dân tham gia, kết hợp cả hai loại hình: trồng cây tập trung và trồng cây phân tán. Phong trào trồng cây nhân dân với các điển hình như Hợp Lý, Chính Lý, Nhân Nghĩa, Bắc Lý... là những đơn vị dẫn đầu của huyện. Liên tục nhiều năm liền, Lý Nhân được công nhận là huyện có phong trào trồng cây nhân dân khá của tỉnh. Năm 1978 được Bộ Lâm nghiệp tặng Bằng khen.

Sau 20 năm thực hiện Tết trồng cây làm theo lời Bác, đến năm 1980 toàn huyện đã trồng được 20.522.723 cây các loại, bình quân đạt 170 cây/người. Riêng năm 1980, Lý Nhân trồng được 1.461.413 cây, bình quân đạt 10 cây/người. Phong trào trồng cây đã mang lại hiệu quả kinh tế to lớn, đến năm 1980 đã cho khai thác 2.268.760 cây lấy gỗ các loại (tương đương 113.430 m³ gỗ), 4.300.000 cây tre, 155.000 tấn củi... đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ kịp thời cho nhu cầu sản xuất, chiến đấu và đời sống.

Trên cơ sở ngành trồng trọt đảm bảo được lượng lương thực đáp ứng nhu cầu tại chỗ, ngành chăn nuôi của huyện thời gian này cũng đã có tiến triển rất khả quan. Chủ trương của huyện là cố gắng duy trì chăn nuôi tập thể, kết hợp đẩy mạnh hình thức chăn nuôi theo hộ gia đình xã viên, duy trì đàn lợn nái để tự túc

giống, khuyến khích chuyển sang nuôi lợn lai kinh tế, đưa đàn lợn của huyện từ 37.838 con (năm 1976) lên 39.000 con vào năm 1980.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và của tỉnh về việc vận động nhân dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở các tỉnh phía Bắc và phía Nam, trong các năm từ 1976 - 1979, Huyện ủy đã phân công cán bộ phụ trách tổ chức được nhiều đợt, đưa hơn một nghìn lao động đến lập nghiệp tại các vùng kinh tế mới an toàn. Sau mỗi đợt, huyện đều tổ chức rút kinh nghiệm, kịp thời đề xuất với lãnh đạo cấp trên những ý kiến phản hồi từ phía nhân dân, nhờ vậy công tác di dân đi xây dựng “kinh tế mới” ngày càng tốt hơn. Do có thành tích xuất sắc, huyện Lý Nhân đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh tặng cờ thi đua đơn vị khá nhất tỉnh về công tác vận động nhân dân đi xây dựng kinh tế mới.

Theo hướng đẩy mạnh phát triển sản xuất toàn diện, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tạo ra nhiều sản phẩm, hàng hoá phục vụ yêu cầu tiêu dùng tại chỗ và cho xuất khẩu, huyện chủ trương khôi phục và đầu tư mở rộng sản xuất cho một số hợp tác xã thủ công nghiệp trong huyện. Đồng thời khuyến khích các đơn vị sản xuất hàng thủ công nghiệp phục vụ xuất khẩu, nhằm tạo việc làm cho lao động dôi dư ở địa phương và tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ. Nhiều cơ sở đã chủ động khắc phục khó khăn mở rộng quan hệ hợp tác, khai thác thêm nguồn vật tư,

nguyên liệu để đảm bảo sản xuất. Các xí nghiệp quốc doanh của tỉnh đóng trên địa bàn như: Công ty nuôi và chế biến sản phẩm ong; Xí nghiệp đường - giấy Vĩnh Trụ... đều hoàn thành kế hoạch Nhà nước hàng năm. Các đơn vị sản xuất thủ công nghiệp như Hợp tác xã thuỷ tinh, sản xuất hàng tiêu dùng đạt giá trị 100.000 đồng/năm. Hợp tác xã khuy trai Hiệp Thành (Hợp Lý) vừa sản xuất hàng hoá phục vụ đời sống vừa sản xuất hàng xuất khẩu với hơn 70% sản phẩm, đạt tổng giá trị sản lượng 320.000 đồng/năm. Ngành nghề thủ công trong các hợp tác xã nông nghiệp như dệt thảm đay xuất khẩu, mây tre đan, dâu tằm, chế biến dược liệu được duy trì đảm bảo đời sống cho người lao động. Giá trị sản lượng tiểu thủ công nghiệp của huyện từ 10,9 triệu đồng năm 1976, lên 15 triệu đồng năm 1981.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, các ngành trong lĩnh vực phân phối lưu thông cũng cố gắng đổi mới phương thức hoạt động, nhất là trong việc tiếp nhận hàng hoá ở tỉnh về địa phương, tổ chức thu mua, nắm nguồn hàng và đưa ra phương án phân phối những mặt hàng chủ yếu như lương thực, thực phẩm, nông sản đến tận tay nhân dân. Phải nói rằng, vấn đề tổ chức quản lý, phân phối hàng thời gian này đã có tiến bộ rõ rệt, đáp ứng một phần nhu cầu hàng hoá, vật tư cần thiết cho sản xuất và đời sống nhân dân trong huyện. Đã chú ý phân phối hợp lý, công bằng hơn, góp phần giảm bớt

sự mất cân đối giữa tiền và hàng trên địa bàn, tạo tiền đề để tăng thù ngân sách địa phương.

Cùng với việc tăng cường công tác quản lý thị trường, lưu thông, phân phối, công tác quản lý tài chính và điều hành hệ thống quỹ tín dụng, duy trì hoạt động của chi nhánh Ngân hàng huyện cũng được chỉ đạo hoạt động có hiệu quả hơn. Tín dụng và ngân hàng chuyển hướng sang làm uỷ nhiệm cho ngân hàng Nhà nước về công tác tiết kiệm. Vốn cổ phần có 64.000 đồng, vốn tích lũy 121.000 đồng, vốn tiền gửi có 350.000 đồng. Từ nguồn vốn trên, đã cho vay phục vụ sản xuất 65.000 đồng và cho vay phục vụ sinh hoạt, đời sống 60.000 đồng.

Là một huyện lấy sản xuất nông nghiệp làm mũi nhọn phát triển kinh tế, huyện luôn luôn chú trọng công tác thủy lợi. Hàng năm huyện chỉ đạo tổ chức ra quân nạo vét, tu sửa và làm mới nhiều tuyến kênh mương. Hoàn thành khối lượng đào đắp, xây đúc hoàn chỉnh hệ thống thủy nông. Xây dựng các đội 202 (các đội chuyên trách làm thủy lợi) thành lực lượng xung kích, được tổ chức theo hướng chuyên nghiệp, cơ động nhanh. Chính lực lượng này khi được đưa lên thi công tại công trình thủy lợi sông Chanh (Ninh Bình) đã đạt được kết quả rất tốt, được lãnh đạo tỉnh tặng cờ thi đua.

Vừa duy tu các công trình cũ, vừa xây đắp các công trình thủy lợi mới, chỉ tính trong 2 năm (1978 - 1979),

huyện đã làm được 17 công trình với khối lượng đào đắp 776.100 m³ đạt 111% kế hoạch. Hệ thống thủy lợi được hoàn chỉnh, cùng sự hỗ trợ của các trạm bơm điện lớn đảm bảo tưới tiêu 2 vụ chiêm, mùa cho 11.000 ha, tưới theo kế hoạch 6.500 ha, đặc biệt đã phát huy hiệu quả tốt trong đợt chống úng đợt xuất vụ mùa năm 1978.

Có thể nói rằng, thủy lợi chính là một trong những thế mạnh của huyện, song điều quan trọng hơn, ngay từ đầu trong khi quy hoạch phát triển thủy lợi, lãnh đạo huyện đã có chủ trương kết hợp phát triển thủy lợi với giao thông để củng cố, phát triển mạng lưới giao thông, nhất là mạng lưới giao thông nông thôn. Đây là bước đi sớm, thể hiện sự cố gắng và tính sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân Lý Nhân.

Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, phát động tinh thần tự lực cánh sinh của nhân dân kết hợp với vốn đầu tư của Nhà nước trong việc cải tạo, bảo dưỡng, nâng cấp và mở rộng một số đoạn đường trục của huyện, củng cố mạng lưới giao thông liên xã, liên thôn. Năm 1978, huyện đã tập trung lực lượng, phương tiện khai thác gần 3.000 m³ đá Diệp Sơn và tận dụng nguồn nguyên liệu địa phương cải tạo được 228 km mặt đường cứng, bảo dưỡng 459 km đường trục chính. Đi đầu trong phong trào phát triển giao thông nông thôn trong thời gian này là các xã Hợp Lý, Chân Lý, Nhân Mỹ...

Phát triển giao thông đi đôi với tăng cường phát triển các phương tiện vận tải, huyện chủ trương nâng cao năng lực vận chuyển trên địa bàn huyện, tiến tới đủ khả năng vận tải hàng hóa trên phạm vi khu vực. Cho đến năm 1979, toàn huyện có 657 thuyền, 1.655 xe các loại, hàng năm đã vận chuyển gần 40.000 tấn hàng hoá, vật tư trong huyện và vận chuyển nội tỉnh đáp ứng một phần yêu cầu phục vụ sản xuất, đời sống và đi lại của nhân dân.

Mặc dù sức sản xuất đã được phát triển lên một bước, nhưng với điều kiện, khả năng thực tế của địa phương, nền kinh tế của huyện vẫn phát triển rất chậm, có mặt mặt cân đối nghiêm trọng. Tiềm năng lao động, đất đai và cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có trong huyện chưa khai thác tốt. Chưa thực hiện tốt các biện pháp thâm canh, xen canh, gối vụ. Thuỷ lợi chưa đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu theo khoa học, chưa giải quyết cơ bản vấn đề hạn, úng cục bộ, nhất là chống úng vụ mùa. Phân bón cho đồng ruộng chưa đảm bảo, phong trào làm bèo dâu ngày càng giảm sút. Việc quy hoạch, cải tạo đồng chiêm trũng tiến hành chậm, bộ giống chưa chuẩn, năng suất lúa không đồng đều. Thiên tai gay gắt nhiều vụ liền, do vậy dù đã cố gắng tận dụng thêm một số diện tích thùng đào, thùng đấu, được mạ nhưng sản lượng lương thực vẫn không đạt chỉ tiêu kế hoạch, diện tích và sản lượng cây màu, nhất là rau màu vụ đông chững lại. Đời sống nhân dân vẫn còn

nhiều khó khăn, đặc biệt là khi giáp hạt. Cây công nghiệp giảm cả về diện tích và năng suất, sản lượng mía từ 56.320 tấn năm 1976 xuống còn 29.000 tấn năm 1980. Do tiêu thụ sản phẩm khó khăn, thu nhập thấp, việc trồng cây công nghiệp không được nhân dân hưởng ứng, không đạt kế hoạch.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã được chú trọng phục hồi, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chất lượng sản phẩm thấp, giá thành cao. Các mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu không ổn định, một số ngành nghề bị thu hẹp. Ngành sản xuất vật liệu xây dựng như: ngói, gạch không đảm bảo yêu cầu về chất lượng, số lượng giảm nhiều so với trước. Nhìn chung trong toàn huyện chưa tạo ra mối liên kết chặt chẽ giữa công nghiệp và nông nghiệp ngay từ cơ sở.

Phân phối lưu thông tuy đã rất cố gắng nhưng vẫn còn yếu cả về tổ chức thu mua, quản lý nguồn hàng. Các mặt hàng thiết yếu chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. Một số cán bộ ngành thương nghiệp lợi dụng, tham ô, gây hư hao, tổn thất nhiều hàng hoá. Chưa tích cực trong việc thu mua, tiêu thụ sản phẩm nhất là nông sản và hàng thủ công gia đình, cung ứng nguyên liệu cho sản xuất. Công tác quản lý thị trường lỏng lẻo, tạo kẽ hở cho buôn bán nhỏ có điều kiện phát triển. Còn để cho tình trạng một

số tư nhân thao túng, đầu cơ tích trữ hàng hóa, nâng giá lũng đoạn thị trường. Quản lý tiền mặt chưa chặt, thu, chi còn mất cân đối, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Các ngành thương nghiệp, giá cả, tài chính, ngân hàng... chưa thật sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao đời sống nhân dân. Còn để xảy ra tình trạng buông lỏng quản lý (tiền, hàng), chưa nắm được thị trường, bị động trong phân phối.

Tình hình trên, một phần do khách quan đưa đến, song chủ yếu là do những yếu kém từ cơ chế quản lý, đồng thời có cả khiếm khuyết trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cấp uỷ Đảng, chính quyền. Những yếu kém, khuyết điểm tồn tại kéo dài trong nhiều năm, chậm được sửa chữa. Trong đó, việc nhận thức về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước chưa sâu sắc, nắm tình hình thực tế chưa đầy đủ, kịp thời, chính xác, thiếu kiến thức về quản lý kinh tế, cùng với tư tưởng bảo thủ, trì trệ, ỷ lại, thiếu tinh thần trách nhiệm đã làm cho việc xác định phương hướng, nhiệm vụ, đề ra chủ trương, giải pháp thiếu căn cứ khoa học, thiếu chủ động sáng tạo, chưa nhạy bén trước tình hình mới.

Nhận thức được những khó khăn, tồn tại trong lãnh đạo quản lý, thực hiện Thông báo số 22-TB/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho phép các tỉnh

được khoán trong nông nghiệp và Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 9 (khoá IV), Thông báo số 38-TB/TU, ngày 03-4-1980 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực hiện chế độ khoán cho xã viên đảm nhiệm khâu chăm sóc cây trồng trong các hợp tác xã nông nghiệp, ngày 28-12-1980 Ban Thường vụ Huyện uỷ ra Nghị quyết số 33-NQ/HU về việc triển khai “Công tác ba khoán trong nông nghiệp”. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 33-NQ/HU là tìm ra các biện pháp, tiến quân vào mặt trận nông nghiệp với nhiệm vụ hàng đầu là giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm, cung ứng nguyên liệu cho sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp. Chú trọng đầu tư cho sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Tích cực tìm, nắm nguồn hàng nhằm tạo ra sự chuyển biến trong phân phối lưu thông, tạo tiền đề chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Đối với công tác khoán, Nghị quyết số 33 của Huyện uỷ nêu rõ: Công tác khoán phải đảm bảo đúng nguyên tắc quản lý theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm kích thích sản xuất phát triển, khuyến khích đội sản xuất và những người lao động giỏi, lao động có năng suất để tăng nhanh tổng sản lượng lương thực, thực phẩm. *“Hợp tác xã phải quản lý chặt chẽ được tư liệu sản xuất chủ yếu, trước hết là ruộng đất, sức kéo, phân bón, công cụ sản xuất và các cơ sở vật chất - kỹ thuật quan trọng để tiến hành sản xuất có tổ chức, có kế*

hoạch với năng suất cao, áp dụng và đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Hợp tác xã quản lý và tổ chức tối lao động, nhằm phát huy được tính ưu việt của sự hiệp tác có phân công của lao động tập thể, đồng thời kích thích được tính tích cực lao động của mọi cá nhân đều gắn bó với hợp tác xã và quan tâm đến sản phẩm cuối cùng. Phải tiến hành sản xuất theo quy hoạch phân vùng kinh tế, theo định mức kinh tế kỹ thuật. Các đơn vị, xã viên nhận khoán phải đảm bảo sản xuất theo đúng sự bố trí về cây trồng, mùa vụ, kế hoạch định mức, quy trình sản xuất của hợp tác xã. Đồng thời hợp tác xã phải quản lý được toàn bộ hay đại bộ phận sản phẩm để thống nhất phân phối đến xã viên"⁽⁵⁾. Chỉ đạo triển khai tinh thần Nghị quyết đến với từng hộ xã viên, Huyện uỷ quyết định áp dụng 2 hình thức khoán chủ yếu là khoán việc và khoán sản phẩm.

Khoán sản phẩm cho xã viên là một hình thức cao hơn khoán việc, gắn kết quả cuối cùng đối với người lao động. Rõ ràng khoán sản phẩm tạo cho người lao động quyền tự chủ rộng rãi hơn, lợi nhuận, thu nhập có thể thu được nhiều hơn. Điều đó thật sự khuyến khích người lao động. Khoán việc cho xã viên nhanh chóng trở thành phương pháp quản lý lao động hữu hiệu trong các đội sản xuất và các đội chuyên của hợp tác xã. Bằng

(5) Nghị quyết số 33-NQ/HU. Tài liệu đánh máy. Lưu VPHU Lý Nhân, tr.6.